

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;  
Căn cứ các điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 278/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông **Trần Ngọc M**, sinh năm: 1988 Địa chỉ: **A, ấp A, xã M, Thành phố B, tỉnh Bến Tre.**

- Bà **Huỳnh Thị Thu S**, sinh năm: 1988. Địa chỉ: **A, ấp A, xã M, Thành phố B, tỉnh Bến Tre.**

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Tại Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ông **Trần Ngọc M** và bà **Huỳnh Thị Thu S** thống nhất các nội dung sau:

- Về hôn nhân: Ông **Trần Ngọc M** và bà **Huỳnh Thị Thu S** tự nguyện thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung: có 03 con chung là cháu **Trần Ngọc Thiên K**, sinh ngày 06/11/2011, cháu **Trần Ngọc Ánh D**, sinh ngày 04/03/2013 và cháu **Trần Ngọc Mẫn N**, sinh ngày 16/01/2023. Sau khi ly hôn, bà **Thu S** là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung.

Ông **Ngọc M** có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con chung 2.500.000 đồng/tháng (03 con chung là 7.500.000 đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi con chung tròn mười tám tuổi.

- Về tài sản chung: Ông **Trần Ngọc M** và bà **Huỳnh Thị Thu S** đều khai không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông **Trần Ngọc M** và bà **Huỳnh Thị Thu S** đều khai không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Việc các đương sự thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và giữa sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông **Trần Ngọc M** và bà **Huỳnh Thị Thu S** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: có 03 con chung là cháu **Trần Ngọc Thiên K**, sinh ngày 06/11/2011, cháu **Trần Ngọc Ánh D**, sinh ngày 04/03/2013 và cháu **Trần Ngọc Mẫn N**, sinh ngày 16/01/2023. Sau khi ly hôn, bà **Thu S** trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung.

Ông **Ngọc M** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng (03 con chung là 7.500.000 đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi con chung tròn mười tám tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông **Trần Ngọc M** và bà **Huỳnh Thị Thu S** đều khai không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông **Trần Ngọc M** và bà **Huỳnh Thị Thu S** đều khai không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: không

2. Lệ phí giải quyết Việc dân sự là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông **Trần Ngọc M** và bà **Huỳnh Thị Thu S** phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002689 ngày 10 tháng 7 năm 2024.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP. Bến Tre;
- UBND xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

#### **THẨM PHÁN**

(đã ký)

**Phạm Thị Xuân Thi**